TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2024

V/v: Không công nhận là vợ chồng, Tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý A Hờ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. ông Hoàng Quang Trung

2. ông Lương Văn Sanh

- *Thư ký phiên toà:* ông Lý A Dà, Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà*: ông Lý A Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/ TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Sùng A C, sinh năm 1987; Địa chỉ: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* chị Giàng Thị P, sinh năm 1988; Địa chỉ: bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng anh Sùng A C trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh C và chị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, khi kết hôn chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương.

Trong thời gian chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và hay đánh chửi nhau.

Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương khuyên ngăn hòa giải, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ 02 lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện; hiện nay anh C và chị P đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết để được ly hôn với chị Giàng Thị P.

- *Về con chung:* Có 02 con chung

+ Sùng Thị S, sinh ngày 16/02/2005

+ Sùng A C1, sinh ngày 03/9/2007

Hiện cháu S đã trên 18 tuổi nên anh C không đề nghị giải quyết. Còn cháu C1 đề nghị Tòa án giải quyết để chị P trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu C1 và chị P, anh C không phải cấp dưỡng.

- *Tài sản chung:* Trước khi mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh C đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung; bị đơn không có yêu cầu phản tố; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Giàng Thị P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P thừa nhận có mối quan hệ hôn nhân như anh C trình bày, nay chị P xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh C.

- *Về con chung:* chị P thừa nhận có 02 con chung như anh C trình bày, ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1, không đề nghị anh C phải cấp dưỡng; còn cháu S đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bầy ngày 12/12/2023 của cháu Sùng A C1 thể hiện: Nếu anh C và chị P ly hôn thì cháu C1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/12/2023 thể hiện: Nếu ly hôn anh C và chị P đều thống nhất để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1, anh C không phải cấp dưỡng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; trong quá trình giải quyết các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Sùng A C và chị Giàng Thị P là vợ chồng; giao cháu Sùng A C1 cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn cư trú tại bản H, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái và quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn. Do đó căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chung sống với nhau anh C và chị P có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh C và chị P là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận anh Sùng A C và chị Giàng Thị P là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Đối với cháu Sùng Thị S đã trên 18 tuổi, anh C và chị P không đề nghị giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu C1, anh C và chị P đều thống nhất để chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, không đề nghị anh C phải cấp dưỡng, tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 22/12/2023 của cháu C1 thể hiện nếu bố mẹ ly hôn thì cháu C1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy ý chí của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận các bên đương sự.

[4] Về tài sản chung: Trước khi mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh C đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung; bị đơn không có yêu cầu phản tố; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh C là đồng bào dân tộc thiểu số, sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nên Tòa án căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho anh C.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Sùng A C và chị Giàng Thị P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Giàng Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Sùng A C1, sinh ngày 03/9/2007. Anh Sùng A C không phải cấp dưỡng về việc nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Sùng A C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: anh C và chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lý A H